

**CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

Hà Nội, tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/07/2017.
- Vốn điều lệ: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Địa chỉ: Km01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024.38750394
- Số fax: 024.38750396
- Website: www.hawater.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): NS2
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội tiền thân là Công ty kinh doanh nước sạch số 2 Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2882/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trên cơ sở Xí nghiệp KDNS Gia Lâm thuộc Công ty nước sạch Hà Nội và tiếp nhận dự án cấp nước Gia Lâm do Chính phủ hai nước Việt Nam - Nhật Bản đầu tư xây dựng.

Tháng 7/2010, thực hiện Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Kinh doanh nước sạch số 2 Hà Nội thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp với loại hình trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ tháng 01/2011.

Ngày 08/6/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2588/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty TNHH MTV Nước sạch số 2 Hà Nội thành Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội, với nhiệm vụ khai thác sản xuất, cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất phát triển kinh tế xã hội của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn.

Ngày 26 tháng 06 năm 2015, Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội được Sở Kế

hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106088, đăng ký thay đổi lần 4.

Ngày 12/10/2015, Ủy ban chứng khoán nhà nước có công văn số 6412/UBCK-QLPH chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng của Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội.

Ngày 20/09/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận việc đăng ký chứng khoán của Công ty và cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 102/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là: 56.800.000 cổ phiếu.

Ngày 22/11/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 763/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của công ty và Thông báo số 1219/TB-SGDHN về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty và giao dịch trên thị trường Upcom, ngày giao dịch đầu tiên của Công ty là ngày 30/11/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước, tư vấn thi công xây lắp các công trình cấp nước.
- Địa bàn kinh doanh: Quận Long Biên, Huyện Gia Lâm, Huyện Đông Anh, Huyện Sóc Sơn, Huyện Mê Linh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

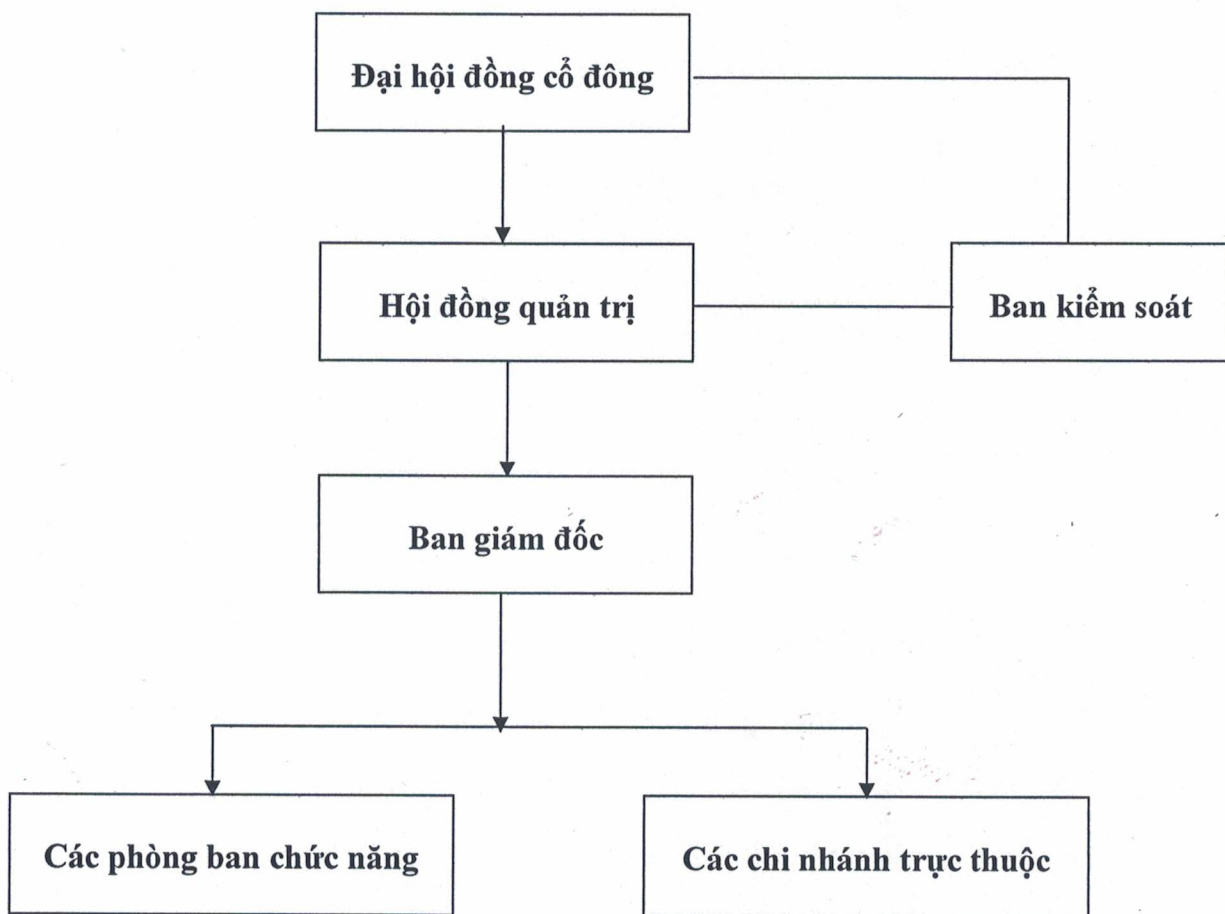
- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật; chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.
- Phó giám đốc Công ty: Các phó giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- Các phòng, ban chức năng: Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và phối hợp với các chi nhánh trực thuộc thực hiện kế hoạch chung của Công ty.
- Các chi nhánh trực thuộc: Các chi nhánh trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện

nhệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và 05 phòng, ban chức năng, 06 đơn vị trực thuộc:

- | | |
|-------------------------------|----------------------------------|
| 1. Phòng Tổ chức - hành chính | 1. Xí nghiệp Nước sạch Long Biên |
| 2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật | 2. Xí nghiệp Nước sạch Gia Lâm |
| 3. Phòng Tài chính - Kế toán | 3. Xí nghiệp Nước sạch Đông Anh |
| 4. Phòng Kinh doanh | 4. Xí nghiệp TVKS Thiết Kế |
| 5. Ban quản lý dự án | 5. Xí nghiệp Xây Lắp Công Trình |
| | 6. Trung tâm KĐSC ĐH đo nước |

b. Mô hình quản lý



4. Định hướng phát triển:

Năm 2020, công ty tiếp tục duy trì phát triển hoạt động SXKD và phấn đấu đưa Công ty trở thành đơn vị chủ lực trong ngành cấp nước khu vực phía Bắc. Định hướng của Công ty phát triển theo chiều sâu trong đầu tư, mở rộng trong sản xuất, đa dạng các hình thức

trong kinh doanh hòa nhập tốc độ tăng trưởng của toàn xã hội cụ thể như sau:

a. Mục tiêu

- Luôn giữ vững ổn định mọi mặt hoạt động từ đầu tư sản xuất đến kinh doanh.
- Duy trì cấp nước an toàn, nâng cao chất lượng phục vụ.
- Năm 2020, đầu tư các công trình phủ kín mạng lưới cấp nước đến toàn bộ địa bàn công ty quản lý, đảm bảo các tuyến truyền dẫn theo mô hình kết nối mạng vòng.
- Giữ vững tỷ lệ nước thu được tiền theo kế hoạch đã đề ra.
- Đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động.

b. Chiến lược

- Tập trung đầu tư phát triển nguồn bằng cách khai thác và xử lý ngay tại các trạm cấp nước, phối hợp chặt chẽ với các NMN để vận hành và điều tiết hợp lý nguồn nước cấp vào mạng đều đạt quy chuẩn và đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.
- Bám sát kế hoạch và tăng cường công tác phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để thực hiện đầu tư 100% mạng lưới cấp nước trên địa bàn công ty quản lý.
- Công tác đầu tư phát triển nguồn và mạng lưới cấp nước của công ty luôn phù hợp với quy hoạch cấp nước của thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013.

5. Rủi ro

- Sự suy giảm nguồn nước và chất lượng nước ngầm là một trong những yếu tố lớn làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của công ty.
- Khu vực công ty quản lý gặp nhiều yếu tố không thuận lợi như tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số cơ học tăng hơn dự kiến, nguồn năng lượng và hệ thống giao thông phát triển với mật độ dày làm cho môi trường ô nhiễm và suy thoái nguồn nước thô.
- Chỉ số tăng trưởng kinh tế suy giảm do biến đổi khí hậu và công ty cũng nằm trong quỹ đạo này.
- Tình trạng dịch bệnh trên toàn cầu ảnh hưởng nặng nề và chi phối tới mọi mặt: Kinh tế, chính trị, xã hội...Dự kiến tăng trưởng chung của nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng trong đó đối với ngành nước là việc suy giảm sản lượng nước tiêu thụ của các khách hàng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*** Những thuận lợi :**

Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo Thành phố, các sở ngành, đặc biệt là lãnh đạo Công ty Nước sạch Hà Nội cùng với 180.000 hộ khách hàng dùng nước đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp

nước, tăng trưởng vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao. Năm 2019, Công ty đã đảm bảo giữ vững thị phần cấp nước, mọi mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được củng cố và có chuyển biến tích cực, khẳng định vai trò là đơn vị chủ lực, uy tín trong hoạt động cấp nước trên địa bàn phía Bắc Hà Nội.

Năm 2019, ngoài lượng nước cấp từ Công ty Nước sạch Hà Nội (bao gồm NMN Gia Lâm, NMN Bắc Thăng Long), nước mua từ NMN Quang Minh, Công ty được bổ sung thêm nguồn cấp nước từ Công ty Nước mặt Sông Đuống đã giúp công ty đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp tới các khách hàng trên toàn địa bàn Công ty quản lý; Góp phần nâng cao chất lượng và dịch vụ cấp nước, đồng thời tăng trưởng sản lượng và doanh thu. Năm 2019, công ty nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía khách hàng về chất lượng nước cũng như dịch vụ.

Năm 2019, Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mang lại kết quả khả quan điển hình là việc thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng mà nền tảng là bộ phận một cửa được tích hợp thêm chức năng chăm sóc và phát triển khách hàng với tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7. Bên cạnh việc nâng cấp dịch vụ công lên mức độ 4 và thực hiện đa dạng hóa hình thức thu tiền nước đã là một bước khởi đầu tốt đẹp của Công ty trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định hình ảnh, vị thế và thương hiệu của Công ty trên bản đồ ngành cấp nước Việt Nam.

Hệ thống quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Công ty hoạt động hiệu quả, đáp ứng các điều kiện phục vụ công tác SXKD. Công tác quản trị và kiểm soát nội bộ đã phát huy hiệu quả rõ rệt trong việc giám sát và thực hiện kế hoạch công ty đề ra. Đội ngũ CBCNV được đào tạo bài bản có năng lực cá nhân và trình độ chuyên môn cao, luôn đoàn kết phát huy trí tuệ tập thể, tính sáng tạo và chủ động trong công việc là những yếu tố bền vững của Công ty.

*** Những khó khăn :**

Theo quyết định của Thành phố Hà Nội đến năm 2025 sẽ có 4 huyện lên quận, trong đó có 02 huyện thuộc địa bàn Công ty quản lý là Huyện Gia Lâm và Đông Anh. Để đáp ứng các yêu cầu khi lên quận của hai huyện, công ty đã và đang đầu tư các công trình cải tạo, đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước trên diện rộng. Do vậy công tác đảm bảo an toàn cho hệ thống cấp nước trong khu vực đang thi công cải tạo cũng làm tăng rất nhiều chi phí.

Với chủ trương xã hội hóa lĩnh vực cấp nước, các nhà đầu tư hệ thống cấp nước trên địa bàn cấp nước phía Bắc thủ đô với tiềm lực tài chính mạnh và là đơn vị tư nhân với nhiều lợi thế về cơ chế chính sách thông thoáng hơn, hoàn toàn chủ động về nguồn cấp đã và đang cạnh tranh trực tiếp với Công ty, tạo áp lực rất lớn lên mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty. Đặc biệt các nhà đầu tư này tập trung mọi tiềm lực để chiếm thị phần là một số khu vực do công ty quản lý và đang có kế hoạch đầu tư như khách hàng lớn như khu đô

thị Vincity Gia Lâm gây ra những cạnh tranh không lành mạnh ảnh hưởng lâu dài đến quản lý và các chỉ số tài chính, kế hoạch SXKD của Công ty.

Năm 2019 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh giá nước sạch năm thứ 4 chưa được điều chỉnh mặc dù các yếu tố đầu vào đã tăng rất lớn và phát sinh thêm. Từ tháng 01/2019 Công ty bắt đầu tiếp nhận nước mặt của Công ty cổ phần Nước mặt sông Đuống. Theo Tờ trình số 9068/TTrLS:TC-XD-NSHN-NS2-NMSĐ ngày 27/12/2018 của Liên ngành đã được UBND Thành phố chấp thuận tại Thông báo số 28/TB-UBND ngày 09/01/2019 giá mua buôn tạm tính là 7.700 đồng/m³, phần chênh lệch cao hơn so với giá thành tự sản xuất và giá mua nước qua đồng hồ tổng của các công ty cấp nước khác được bù chi phí từ Thành phố. Tháng 4/2019 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 11/4/2019 của Chính phủ điều chỉnh đối với trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên thì sản phẩm nước sạch khu vực đô thị không phải là sản phẩm đặt hàng nên sẽ rất khó khăn trong việc bù giá từ ngân sách. Công ty đã nhiều lần báo cáo Sở Tài chính, UBND Thành phố Hà Nội đề nghị được tháo gỡ, cũng như chủ động làm việc với Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống và các sở ban ngành để đàm phán lại giá bán buôn nước sạch tạm tính nhưng đến nay chưa có kết quả.

Bên cạnh đó các dự án sử dụng vốn ngân sách do thành phố bàn giao cho công ty tiếp nhận và thực hiện thu hồi vốn đều là các dự án mang yếu tố an sinh xã hội vì vậy các dự án này không phát huy hiệu quả kinh doanh càng làm cho công ty thêm chông chát khó khăn.

Năm 2019 chất lượng nước đáp ứng yêu cầu, quy chuẩn theo quy định của Nhà nước ban hành. Tuy nhiên, việc quản lý, kiểm soát chất lượng nước cấp trong bối cảnh Công ty sử dụng nhiều nguồn nước cấp từ các NMN và Trạm sản xuất nước gặp rất nhiều khó khăn, một số thời điểm công tác kiểm soát chất lượng nước còn chưa chủ động kịp thời, tại một số nguồn cấp còn chưa thực hiện các giải pháp đồng bộ để giải quyết tận gốc, triệt để các nguy cơ, nguyên nhân có thể dẫn đến chất lượng nước không đảm bảo.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Kết quả SXKD:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/KH (%)	So với năm trước (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng						
a	Sản lượng cấp vào mạng	m ³	43.312.778	43.983.421	47.306.627	108%	109%
	Sản lượng nước sản xuất	m ³	14.029.443	13.080.700	14.191.582	108%	101%
	SL nước cấp từ NSHN	m ³	28.905.964	23.496.601	28.701.970	122%	99%

	SL nước cấp từ NMN Quang Minh	m3	377.371	377.500	466.807	123%	124%
	SL nước cấp từ Công ty nước mặt Sông Đuống	m3		7.028.620	3.946.268	56%	
b	Sản lượng nước thu được tiền	m3	39.357.774	39.952.359	42.942.313	107%	108%
2	Tổng doanh thu	đồng	446.613.349.253	459.043.092.850	499.250.395.533	109%	112%
	Tiền nước		406.232.357.690	408.000.000.000	444.455.710.417	109%	109%
	Xây lắp, thiết kế		24.653.347.373	43.972.000.000	27.143.919.418	62%	110%
	Khác		15.727.644.190	7.071.092.850	27.650.765.698	391%	176%
3	Doanh thu thuần	đồng	398.028.896.367	408.026.000.000	446.112.764.468	109%	112%
	Tiền nước		359.933.375.754	360.980.361.695	393.819.109.958	109%	109%
	Xây lắp, thiết kế		22.412.133.975	39.974.545.455	24.676.290.387	61%	110%
	Khác		15.683.386.638	7.071.092.850	27.617.364.123	390%	176%
4	Chi phí	đồng	382.087.693.677	391.857.320.000	429.781.331.314	109%	112%
	Tiền nước		351.579.752.436	352.835.916.532	404.215.820.243	114%	115%
	Xây lắp, thiết kế		22.121.765.229	38.454.739.188	24.544.506.589	63%	111%
	Khác		8.386.176.012	566.664.279	1.021.004.482	180%	12%
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.941.202.690	16.168.680.000	16.331.433.154	101%	102%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.744.612.521	12.934.944.000	12.988.342.078	100,4%	101,9%
7	Vốn chủ sở hữu	đồng	568.000.000.000	568.000.000.000	568.000.000.000	100%	100%
8	Tỷ suất LNST/VCSH	%	2.24%	2.28%	2.29%	100%	102%
9	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	đồng	62.025.711.378	64.554.371.002	70.250.652.757	108%	113%

	Thuế GTGT		20.933.266.692	22.046.389.495	22.192.169.086	100%	106%
	Thuế TNCN		2.312.980.333	4.000.000.000	3.423.636.969	85%	148%
	Thuế tài nguyên		5.611.777.600	5.482.880.000	5.677.115.600	103%	101%
	Thuế môn bài		9.000.000	9.000.000	9.000.000	100%	100%
	Thuế đất		2.474.834.796		4.596.249.066		186%
	Thuế thu nhập DN		3.216.613.684	3.233.736.000	3.408.593.041	105%	106%
	Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác		26.595.757.578	28.970.703.355	30.033.739.507	103%	112%
	Phí cấp quyền KTTN và các loại thuế khác		871.480.695	811.662.152	910.149.488	112%	104%
10	Tổng số lao động bình quân	người	522	575	506	88	96,93
11	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	67.833	73.093	72.688	99,4	107,1
12	Thu nhập BQ người/tháng	đồng/ người/tháng	10.829	10.593	11.971	113	110,5

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
1.	Tạ Kỳ Hưng	<p>Ngày sinh: 15/03/1975</p> <p>Nơi sinh: Hà Nội</p> <p>Quê quán: Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam</p> <p>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12/25 ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội</p> <p>Nơi ở hiện nay: 12/25 ngõ Thông Phong-phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội</p>	<p>Sở hữu của cá nhân: 33.600 cổ phần chiếm 0,0592% tổng số cổ phần của Công ty.</p> <p>Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ</p>	Không

	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sỹ Địa chất thủy văn Chức vụ: Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị	phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.	
2.	Dương Quốc Tuấn	Ngày sinh: 19/02/1964 Nơi sinh: Hà Nội Quê quán: Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28 Nguyễn Trường Tộ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội Nơi ở hiện nay: Số 4, Phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư xây dựng ngành Cấp thoát nước- Môi trường nước Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty -Thành viên Hội đồng quản trị	Sở hữu của cá nhân: 45.200 cổ phần chiếm 0,0796% tổng số cổ phần của Công ty. Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không
3.	Trần Thị Phương Thảo	Ngày sinh: 03/10/1974 Nơi sinh: Hà Nội Quê quán: Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 302 nhà 17T8 Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân- Hà Nội Nơi ở hiện nay: 302 nhà 17T8 Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư	Sở hữu của cá nhân: 40.400 cổ phần chiếm 0,0711% tổng số cổ phần của Công ty. Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không

	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
		kinh tế Xây dựng Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị	ty.	
4.	Lê Thị Ngọc Lan	Ngày sinh: 27/11/1976 Nơi sinh: Thành phố Việt Trì, Phú Thọ Quê quán: Thành phố Việt Trì, Phú Thọ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 ngách 310/15 đường Nghi Tàm, phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số 12 ngách 310/15 đường Nghi Tàm, phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán Chức vụ: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Sở hữu của cá nhân: 23.500 cổ phần chiếm 0,041 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không
- Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến 31/12/2019): 499 người
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản có liên quan trong công tác quản lý lao động, đồng thời, thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, các quy chế, quy định phù hợp với loại hình công ty cổ phần quy mô lớn. Vì vậy, đời sống người lao động được duy trì ổn định, 100% người lao động được đóng bảo hiểm xã hội.

3. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án

* Giá trị khối lượng thực hiện các công trình thi công cấp nước, mua sắm tài sản và cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất của Công ty:

Năm 2019 là: 114.330 triệu đồng. Trong đó:

+ Các công trình thi công cấp nước: 104.620 triệu đồng.

- + Mua sắm tài sản: 4.158 triệu đồng.
- + Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 5.552 triệu đồng.

Quý IV/2019 là: 53.313 triệu đồng. Trong đó:

- + Các công trình thi công cấp nước: 50.650 triệu đồng.
- + Mua sắm tài sản: 2.601 triệu đồng.
- + Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 62 triệu đồng.

* Giá trị thực hiện giải ngân cho các công trình thi công cấp nước, mua sắm tài sản và cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất của Công ty

Năm 2019 là: 114.688 triệu đồng đạt 63,68% với Kế hoạch giao, trong đó:

- Nguồn vốn KHTSCĐ: 58.171 triệu đồng (đạt 99,25% kế hoạch giao)

Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 51.224 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 2.147 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 4.800 triệu đồng.

- Nguồn Vốn huy động: 56.517 triệu đồng (đạt 46,52% kế hoạch giao)

Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 56.517 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 0 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 0 triệu đồng.

Trong đó: Giá trị thực hiện giải ngân cho các công trình có khối lượng hoàn thành chuyển tiếp năm 2018: 18.337 triệu đồng.

+ Nguồn vốn KHTSCĐ: 7.707 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: 10.630 triệu đồng.

Quý IV/2019 là: 46.256 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn KHTSCĐ: 16.765 triệu đồng.
- + Các công trình thi công cấp nước: 15.065 triệu đồng.
 - + Mua sắm tài sản: 362 triệu đồng.
 - + Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 1.338 triệu đồng.
- Nguồn vốn huy động: 29.491 triệu đồng.
- + Các công trình thi công cấp nước: 29.491 triệu đồng

* Tình hình thực hiện đầu năm 2019 các công trình thi công cấp nước

Năm 2019, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, giám sát tiến độ, chất lượng thi công, rà soát khối lượng thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt. Giá trị thực hiện các công trình thi công cấp nước: 104.620 triệu đồng. Kết quả như sau:

1. Công tác chuẩn bị đầu tư: Thực hiện khảo sát, lập báo cáo KTKT xây dựng các công trình năm 2019 theo kế hoạch được duyệt. Hoàn thành Báo cáo KTKT xây dựng công trình: 10 công trình.

2. Công tác thực hiện dự án: Tổ chức triển khai thi công xây dựng các công trình: 15 công trình, trong đó 8 công trình hoàn thành thi công nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, 7 công trình tiếp tục thi công, chuyển tiếp thực hiện và hoàn thành năm 2020; chi tiết như sau:

2.1 Công trình hoàn thành thi công, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: 7 công trình

- + Cải tạo nâng cấp dây chuyên xử lý nước truyền thống trạm cấp nước Đông Anh.
- + Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước Kiều Ky.
- + Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I (bao gồm các thôn Trong Oai, Ngoài Oai, Thượng Oai, Hậu Oai, Phúc Lộc, Đản Mỗ).
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Đông Anh năm 2018.
- + Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Vân Nội - huyện Đông Anh.
- + Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Nguyên Khê- huyện Đông Anh.
- + Cải tạo, thay thế MLCN, chống TTTT trên địa bàn phường Long Biên năm 2019.

2.2. Công trình đang tiếp tục thi công, chuyển tiếp thực hiện và hoàn thành năm 2020: 08 công trình

- + Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực ngoài đô thị xã Đông Dư, huyện Gia Lâm.
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Gia Lâm năm 2018.
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực quận Long Biên năm 2018.
- + Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Tiên Dương - huyện Đông Anh
- + Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Xuân Nộn- huyện Đông Anh
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực đội Sài Đồng, quận Long Biên năm 2019.
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực Gia Lâm năm 2019.
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực đội XNNS Đông Anh năm 2019.

2.3. Công tác thay thế định kỳ đồng hồ cũ đã sử dụng nhiều năm, phòng chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý năm 2019: 6.872 đồng hồ, giá trị sản lượng: 10.446 triệu đồng.

2.4. Công tác đầu tư, lắp đặt thiết bị kiểm soát tự động các chỉ tiêu chất lượng nước tại trạm Đông Anh, giá trị sản lượng đạt 293 triệu đồng.

3. Công tác kiểm toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:

Hoàn thành công tác kiểm toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, thanh toán công nợ cho các đơn vị liên quan: 7 công trình, trong đó: 4 công trình chuyển tiếp 2018, 3 công trình thực hiện năm 2019; cụ thể:

3.1 Hoàn thành công tác kiểm toán đối với 4 công trình chuyển tiếp 2018:

- + Hoàn thiện HTCN thị trấn Đông Anh lấy nguồn từ trạm cấp nước Đông Anh.
- + Xây dựng HTCN các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm.

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý phường Việt Hưng, quận Long Biên năm 2018.

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực từ tổ 17 đến tổ 27 phường Thượng Thanh, quận Long Biên năm 2018.

3.2. Hoàn thành công tác kiểm toán 3 công trình thực hiện trong năm 2019:

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực XNNS Gia Lâm năm 2018.

+ Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước Kiều Ky.

+ Xây dựng HTCN cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I (bao gồm các thôn Trong Oai, Ngoài Oai, Thượng Oai, Hậu Oai, Phúc Lộc, Đản Mỗ)

* Tình hình thực hiện mua sắm tài sản

- Công tác mua sắm tài sản được Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã triển khai theo kế hoạch được duyệt. Năm 2019 giá trị thực hiện đạt 4.158 triệu đồng.

* Tình hình thực hiện Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất

- Công tác cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất đã thực hiện lập, thẩm tra, phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình; Triển khai tổ chức thi công xây dựng và hoàn thành công trình, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; Thực hiện và hoàn thành công tác kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: 03 công trình.

+ Xây mới nhà kho Công ty.

+ Xây dựng nhà kho xưởng sửa chữa cơ điện cho XN xây lắp công trình

+ Xây dựng nhà đa năng TT + HT cho Trạm cấp nước Đông Anh.

Năm 2019, giá trị khối lượng thực hiện đạt 5.552 triệu đồng.

* Đánh giá tiến độ thực hiện dự án và các nguyên nhân:

+ Tiến độ thi công các công trình cơ bản đáp ứng yêu cầu, các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phát huy ngay hiệu quả đầu tư.

+ Công tác huy động vốn để đầu tư thực hiện dự án từ Quỹ đầu tư phát triển và Ngân hàng thương mại gặp nhiều vướng mắc ở khâu thẩm định cho vay vốn, việc giải ngân cho dự án từ vốn vay bị kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

+ Dự án Phục hồi cải tạo trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000m³/ngđ: chậm tiến độ theo kế hoạch do vướng mắc về công tác giao đất phục vụ thi công xây dựng công trình. Năm 2019 Công ty tiếp tục làm việc UBND Thành phố, Sở Xây dựng Hà Nội đề xuất xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án làm cơ sở để hoàn thiện hồ sơ xin giao đất phục vụ triển khai thi công xây dựng công trình. Ngày 13/12/2019 Công ty đã nhận được Văn bản số 1253/VP-ĐT của UBND Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đề xuất của Sở Xây dựng điều chỉnh dự án Phục hồi cải tạo trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000m³/ngđ chuyển đổi công năng thành trạm tăng áp cấp nước Sài Đồng, công suất 40.000m³/ngđ.

+ Công trình xây dựng HTCN cho 3 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ và vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500-1000m từ khu LHXLCT Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn: Sau khi nhận được Quyết định số 4741/QĐ-UBND ngày 3/9/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Sóc Sơn, Công ty tiếp tục làm việc với UBND huyện Sóc Sơn để hoàn thiện hồ sơ công tác đền bù GPMB phục vụ công tác kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

+ Công trình Đầu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực đội Sài Đồng, quận Long Biên năm 2019 do vướng mắc về mặt bằng nên công trình tạm dừng thi công.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.231.273	1.228.549	-0.2%
Doanh thu thuần	388.520	425.638	9.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.474	-3.759	-158%
Lợi nhuận khác	9.466	20.090	112.2%
Lợi nhuận trước thuế	15.941	16.331	2.4%
Lợi nhuận sau thuế	12.744	12.988	1.9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	50%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	1.11	1.22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	1.01	1.07	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.53	0.53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.14	1.14	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	12.6	12.9	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0.32	0.35	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.28%	3.05%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.24%	2.29%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.04%	1.06%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1.67%	-0.88%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 56.800.000 cổ phần
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: Không
- + Số cổ phần thuộc sở hữu của Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng khi có sự thông qua của Hội đồng quản trị: 119.200 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	56.800.000	568.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	54.891.400	548.914.000.000	96,64%
2	Cổ đông cá nhân	1.908.600	19.086.000.000	3,36%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Sản phẩm chính của Công ty là Nước sạch; dịch vụ chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho mọi đối tượng dùng nước trên địa bàn các quận huyện phía bắc Hà Nội.

- Tổng lượng nguyên liệu là nước thô khai thác từ các giếng khoan để sản xuất nước sạch năm 2019 với công suất trung bình 14,65 triệu m³/ năm để xử lý thành nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009 BYT.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Công ty đã xây dựng dây chuyền đồng bộ để thu gom toàn bộ lượng nước rửa lọc để tái chế và xử lý thành nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009 BYT. Nước xả ra trong quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch, 100% lượng nước được thu gom tái chế sử dụng, không xả ra môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất của Công ty là năng lượng điện, Công ty sử dụng điện để vận hành các máy móc thiết bị trong sản xuất.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp tại các Trạm phục vụ sản xuất : 5.841.790 Kwh.

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp tại Văn phòng Công ty : 137.954 Kwh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty đã thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng, trong đó đã thực hiện giải pháp tiết kiệm điện cho nguồn tiêu thụ chính là động cơ các máy bơm khai thác và cấp nước, tất cả các trạm bơm nước của Công ty đã được lắp đặt hệ thống máy biến tần để tiết kiệm điện năng tiêu thụ. Hệ thống chiếu sáng cũng được lắp đặt các loại bóng chiếu sáng tiết kiệm điện năng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của sáng kiến này: không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a. Nguồn cung cấp nước và sản lượng nước sử dụng:

- Công ty tự sản xuất nước sạch để sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, nước được xử

lý tuần hoàn trong dây chuyền xử lý nước đảm bảo không xả thải ra môi trường.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Toàn bộ lượng nước xả thải trong quá trình sản xuất nước được thu gom, xử lý tách cặn và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch hiện có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Không có vi phạm bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Không có vi phạm bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động tính đến 31/12/2019:

- Số lượng lao động: 499 người

- Mức lương trung bình người/năm: 143.653.458 đồng (11.971.122 đồng/người/tháng)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tiền lương: Tiền lương, thu nhập trả cho người lao động căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của cá nhân người lao động, đảm bảo sự công bằng, minh bạch giữa tập thể và cá nhân.

- Chế độ phụ cấp: Công ty thực hiện chi trả tiền ăn ca cho toàn bộ người lao động làm việc tại Công ty (30.000 đồng/ ngày); phụ cấp xăng xe và điện thoại đối với một số vị trí chức danh công việc.

- Bảo hiểm xã hội: 100% người lao động làm việc tại Công ty được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Công ty hỗ trợ người lao động thực hiện các thủ tục đề nghị Bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho người lao động.

- An toàn vệ sinh lao động: thực hiện trang bị bảo hộ lao động, xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; mạng lưới an toàn vệ sinh viên; thực hiện kiểm tra định kỳ công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.

- Thỏa ước lao động tập thể: Công ty thống nhất với Ban chấp hành công đoàn Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể quy định chế độ phúc lợi tập thể, các đảm bảo khác cho người lao động có lợi hơn so với quy định của Bộ luật Lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Tổng số lượt đào tạo trong năm 2019: 386 lượt người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2019, Công ty tham gia đầy đủ, thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương thông qua việc đóng góp ủng hộ các quỹ, các tổ chức từ thiện tại địa phương và Thành phố.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Năm 2019, Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo Thành phố, các sở ngành và đặc biệt là lãnh đạo Công ty Nước sạch Hà Nội và hơn 180.000 hộ khách hàng dùng nước đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đảm bảo giữ vững thị phần cấp nước, mọi mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được củng cố và có chuyển biến tích cực, khẳng định vai trò là đơn vị chủ lực, uy tín trong hoạt động cấp nước trên địa bàn phía bắc Hà Nội.

Hàng năm ngoài lượng nước cấp từ Công ty Nước sạch Hà Nội (bao gồm NMN Gia Lâm, NMN Bắc Thăng Long), nước mua từ NMN Quang Minh, năm 2019 hệ thống cấp nước của Công ty được bổ sung thêm nguồn nước mua từ Công ty Nước mặt Sông Đuống. Số lượng nguồn nước cấp đảm bảo để công ty duy trì và cung cấp ổn định đến toàn bộ khách hàng, bên cạnh đó công ty cũng nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng về chất lượng nước và dịch vụ cấp nước đó cũng là sự động viên khích lệ đối với toàn bộ CBCNV của công ty.

Năm 2019, Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 theo định hướng cách mạng công nghệ số vào quản lý cụ thể là việc thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng; Tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7; Nâng dịch vụ công lên mức độ 4 với phương châm “DỊCH VỤ VÌ KHÁCH HÀNG” đã tạo sự thuận lợi trong quản lý và tương tác nhanh giữa khách hàng và công ty, giảm thời gian xử lý sự cố tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Ban lãnh đạo công ty nhận định rõ việc phát triển công ty phụ thuộc hoàn toàn vào yếu tố nhân lực vì vậy công ty đã chuyên tâm vào công tác đào tạo cán bộ, nhân viên đủ tiêu chuẩn vừa hồng vừa chuyên; bên cạnh đó công ty cũng đầu tư thêm máy móc thiết bị và triển khai ứng dụng các phần mềm trong quản lý và SXKD thông qua việc đa dạng hóa hình thức thu tiền nước, áp dụng công nghệ vào công tác ghi chỉ số nước tiến dần đến khép kín quy trình ghi, thu, quản lý, sản xuất phục vụ công tác báo cáo, tra cứu... thành một hệ thống quy chuẩn thống nhất. Bước khởi đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất đã mang lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Tỷ lệ nước thu được tiền duy trì ổn định ở mức cao (khoảng 90%) trong điều kiện mạng lưới áp lực lớn đòi hỏi về quản lý, vận hành và xử lý sự cố phải kịp thời, chính xác cũng là nhiệm vụ tiên quyết trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

Các chỉ tiêu SXKD đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động được chú trọng, thu nhập CBCNV được duy trì ổn định, thực hiện tốt mọi chế độ với người lao động, thu nộp ngân sách đầy đủ, đúng quy định.

Hệ thống quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Công ty hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và mục tiêu SXKD. Công tác quản trị và kiểm soát nội bộ được hoàn thiện và nâng cao.

*** Những tồn tại hạn chế :**

Nhiều năm trở lại đây có nhiều đơn vị tư nhân tham gia xây dựng nhà máy cấp nước và xây dựng HTCN, các đơn vị này thực sự có tiềm lực tài chính, tính tự quyết cao và được hưởng nhiều ưu đãi về chính độ chính sách do vậy tính cạnh tranh sẽ không cần bằng và công ty luôn chịu nhiều thiệt thòi cụ thể như nhiều vùng thuộc địa bàn công ty quản lý thì lại giao cho các đơn vị khác thực hiện.

Thành phố ưu tiên sử dụng nước mặt từ các NMN nước trong khu vực do vậy việc phục hồi các trạm cấp nước để chủ động nguồn cấp cũng phải thay đổi thời gian thực hiện cho phù hợp nguồn tài chính.

Năm 2019, chất lượng nước cấp ra ngoài mạng đáp ứng yêu cầu, quy chuẩn, quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, việc quản lý, kiểm soát chất lượng nước cấp trong bối cảnh Công ty sử dụng nhiều nguồn nước cấp gặp rất nhiều khó khăn tại một số thời điểm do chưa thể chủ động kịp thời; Một số nguồn cấp còn chưa thể thực hiện các giải pháp đồng bộ để giải quyết tận gốc, triệt để các nguy cơ, nguyên nhân có thể dẫn đến chất lượng nước.

Theo quyết định của Thành phố đến năm 2025 sẽ có 4 huyện lên quận, trong đó có 02 huyện thuộc địa bàn Công ty quản lý là Huyện Gia Lâm và Đông Anh. Vì vậy các công trình cải tạo hạ tầng địa phương được đẩy nhanh và thực hiện trên diện rộng, ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực đến mức độ an toàn của hệ thống cấp nước trong khu vực thi công cải tạo. Công ty phải lên kế hoạch từ nhân lực cho đến máy móc thiết bị để ổn định hệ thống cấp nước và phòng chống TTTT đảm bảo luôn cấp nước an toàn hiệu quả.

Công ty hoàn thành các chỉ tiêu SXKD nhưng kết quả SXKD xét về mặt hiệu quả kinh tế còn chưa cao, lợi nhuận thấp.

2. Tình hình tài chính

Năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng gặp không ít khó khăn trong vấn mua nước của công ty nước mặt Sông Đuống. Giá mua nước cao sẽ tác động ảnh hưởng đến chỉ tiêu chi phí. Mặc dù vậy công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tích cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch, chiến lược, định hướng cụ thể cho từng giai đoạn. Bên cạnh đó cùng với sự quan tâm, chỉ đạo của Thành phố, của các Sở

ngành và lãnh đạo Công ty Nước Sạch Hà Nội, sự phối hợp tích cực của các phòng ban, sự hỗ trợ tạo điều kiện của chính quyền địa phương và sự đoàn kết, nhất trí cao của tập thể người lao động, Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã hoàn thành tốt kế hoạch SXKD và các công tác khác của năm 2019. Trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu thuần đạt: 446.112 triệu đồng đạt 109% so với kế hoạch và tăng 12% so với năm 2018.

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 16.331 triệu đồng đạt 101% so với kế hoạch và tăng 2,4% so với năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 12.988 triệu đồng đạt: 100,4% so với kế hoạch và tăng 1,9% so với năm 2018.

a. Tình hình tài sản

Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2019 là: 1.228.549 triệu đồng giảm 0.2% so với thời điểm 31/12/2018 là: 2.723 triệu đồng.

* Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tổng tài sản:

- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản: 0.34

Hiệu suất sử dụng của tổng tài sản = Doanh thu thuần/ tổng tài sản bình quân trong kỳ

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản (bao gồm cả tài sản ngắn hạn và dài hạn) của doanh nghiệp. Năm 2019 cứ 1 đồng tài sản của doanh nghiệp đưa vào hoạt động kinh tạo ra 0.34 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của tổng tài sản: 0.01

Hệ số sinh lời của tổng tài sản = Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân

Hệ số sinh lời của tổng tài sản cho biết doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng tài sản sẽ tạo ra 0.01 đồng lợi nhuận sau thuế.

* Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng của tài sản ngắn hạn:

- Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn: 2.34

Hiệu suất sử dụng TSNH = Doanh thu thuần/ TSNH bình quân trong kỳ

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn nói chung (bao gồm cả hoạt động hàng tồn kho và khoản phải thu) năm 2019, doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng TSNH đưa vào hoạt động SXKD sẽ tạo ra 2.34 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của tài sản ngắn hạn: 0.07

Hệ số sinh lời của TSNH = Lợi nhuận sau thuế/ TSNH bình quân trong kỳ

Chỉ tiêu này phản ánh lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, chỉ tiêu này cho biết doanh nghiệp cứ đầu tư 1 đồng tài sản ngắn hạn thì thu về 0.07 đồng lợi nhuận sau thuế.

* Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ

- Hiệu suất sử dụng của TSCĐ: 0.24

Hiệu suất sử dụng của TSCĐ = Doanh thu thuần/ nguyên giá bình quân TSCĐ

Chỉ tiêu này cho biết trong năm cứ bỏ ra 1 đồng TSCĐ tạo ra 0.24 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của TSCĐ: 0.007

Hệ số sinh lời của TSCĐ = Lợi nhuận sau thuế/ nguyên giá bình quân TSCĐ

Điều đó phản ánh cứ bỏ ra 1 đồng TSCĐ trong kỳ tạo ra 0.007 đồng lợi nhuận sau thuế.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả ngày 31/12/2019 là: 647.241 triệu đồng giảm 0.4% so với thời điểm 01/01/2019. Như vậy tổng nợ phải trả có sự giảm dần một phần là do một số công trình, dự án huy động bằng nguồn vốn vay tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại đã dần trả hết nợ gốc và một số đã trả hết dư nợ gốc vay ban đầu.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019 là 1.22 lần điều đó cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là an toàn. Về mặt tài chính doanh nghiệp đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, mô hình tổ chức theo hướng phân cấp ủy quyền sâu, cụ thể chi tiết đối với các chi nhánh trực thuộc, tăng cường công tác tham mưu của các phòng, ban chuyên môn tăng tính hiệu quả trong công tác quản lý điều hành.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ, bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt của Công ty, đẩy mạnh công tác quản lý điều hành, xây dựng quy chế tiền lương thu nhập gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện công việc.

- Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động SXKD nhằm hỗ trợ công tác quản lý, kiểm soát công việc, tăng năng suất lao động, chất lượng hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

+ Doanh thu và thu nhập khác: 449.390 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 16.629 triệu đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 13.303 triệu đồng

+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: 50% lợi nhuận sau thuế

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của ban kiểm toán: không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Trong quan hệ lao động, Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về bình đẳng giới; an toàn lao động; vệ sinh lao động; đảm bảo quyền lợi cho người lao động thông qua việc đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định, trả lương công bằng và thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, phúc lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; chủ động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động tại công ty.

Thêm vào đó năm 2019, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm phát huy quyền dân chủ liên quan trực tiếp người lao động, tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Vì vậy, Công ty luôn duy trì được mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, không có tranh chấp lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2019, Công ty thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương thông qua việc tích cực tham gia các hoạt động phong trào, đền ơn đáp nghĩa ở địa phương, giúp đỡ những em nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2019, Công ty thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo, xin ý kiến Hội đồng thành viên Công ty Nước sạch Hà Nội trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Thực hiện việc mua nước từ NMN mặt sông Đuống theo chỉ đạo của Thành phố nhưng đến nay Công ty chưa được cấp bù kinh phí mua nước. Đây là khó khăn lớn nhất đối với Công ty để tìm ra giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo duy trì ổn định các chỉ tiêu SXKD, đặc biệt là đảm bảo được chỉ tiêu tài chính mà UBND Thành phố, Công ty Nước sạch Hà Nội đã giao.

Việc không chủ động được hoàn toàn sản lượng nước cấp (tự sản xuất) đồng thời Công ty nằm trong khu vực bổ sung nguồn cấp từ Nhà máy nước mặt sông Đuống, trong bối cảnh nhà máy đang dư thừa sản lượng, sẵn sàng tiếp cận các khách hàng lớn trên địa bàn cấp nước của Công ty chuyên nguồn sử dụng, đặc biệt như khách hàng lớn của Công ty - Khu đô thị Vincity Gia Lâm đã gây khó khăn áp lực rất lớn cho Công ty trong việc giữ thị phần cấp nước để ổn định, tăng trưởng trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Với sự chỉ đạo nhất quán của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, sự phối hợp chặt chẽ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty cùng với nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội luôn hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, các mặt hoạt động của Công ty được duy trì ổn định, đảm bảo việc làm, đời sống và thu nhập cho người lao động.

- Các chỉ tiêu: Hoàn thành các chỉ tiêu SXKD được UBND TP. Hà Nội và Công ty Nước sạch Hà Nội giao.

- Dịch vụ cấp nước: Duy trì dịch vụ cấp nước ổn định, đáp ứng nhu cầu dùng nước trên địa bàn và các chỉ tiêu đánh giá đối với doanh nghiệp cung cấp nước sạch; Công ty luôn đứng trong nhóm đứng đầu các công ty cấp nước trên toàn quốc; Các chỉ tiêu về tài chính đều hoàn thành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

- Dịch vụ khách hàng: Thực hiện thành công công tác đa dạng hóa hình thức thu tiền nước và nâng dịch vụ công lên mức độ 4 theo nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ. Thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng, tổng đài chăm sóc khách hàng 24/7 ... nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho khách hàng...

Năm 2019, Công ty thực hiện tốt trách nhiệm xã hội đối với người lao động và tích cực tham gia các hoạt động phong trào, đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Để có được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng tập trung năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc Công ty. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Giám đốc Công ty triển khai nghiêm túc, thận trọng và hiệu quả. Kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty đã tiếp tục duy trì và củng cố lòng tin của các cơ quan quản lý nhà nước, đối tác, khách hàng và cổ đông vào sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban Giám đốc và tập thể người lao động trong Công ty quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao với các kế hoạch và định hướng sau:

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức, quản trị, sản xuất, lưu thông phân phối, tài chính và đầu tư

xây dựng.

- Chỉ đạo công tác lập kế hoạch dài hạn, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó, tập trung vào các dự án trọng điểm được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giao. Tập trung cho công tác phát triển nguồn tại chỗ, tăng tính chủ động nguồn cấp nước, đầu tư cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng kết hợp với phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư để tăng doanh thu.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất phù hợp; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình quản lý, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Tập trung kiện toàn cơ cấu mô hình tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới.

- Điều chỉnh, hoàn thiện các cơ chế, qui định, qui chế quản lý phù hợp tình hình thực tế. Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng vào công tác quản lý, tạo tiền đề nâng cao năng lực phát triển SXKD.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chứng khoán khác do Công ty phát hành	Thành viên độc lập/thành viên khác	Chức danh TV HĐQT nắm giữ ở công ty khác
1	Đặng Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 15.699.484 cổ phần chiếm 27,64 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên HĐQT C.ty CP ĐTXD hạ tầng nước sạch Hà Nội
2	Tạ Kỳ Hưng	Thành viên HĐQT	Sở hữu của cá nhân: 33.600 cổ phần chiếm 0,059 % tổng số cổ	Không	Thành viên HĐQT	Không

		HĐQT	phần của Công ty. Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.		điều hành	
3	Dương Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	Sở hữu của cá nhân: 45.200 cổ phần chiếm 0,079 % tổng số cổ phần của Công ty. Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không	Thành viên HĐQT điều hành	Không
4	Trần Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	Sở hữu của cá nhân: 40.400 cổ phần chiếm 0,071 % tổng số cổ phần của Công ty. Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.	Không	Thành viên HĐQT điều hành	Không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

TT	Ngày họp HĐQT	Nội dung họp	Kết quả cuộc họp
1	13/3/2019	- Thống nhất dự thảo Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và dự thảo Phân công nhiệm vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo báo cáo số 03/BC – NS2 của Giám đốc Công ty. - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT	Đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 15/3/2019
2	21/3/2019	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019.	Đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-

		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo các chỉ tiêu tài chính năm 2018 và kế hoạch tài chính năm 2019. - Báo cáo kế hoạch lao động, tiền lương năm 2019. - Báo cáo kế hoạch thù lao của người quản lý công ty năm 2019. - Báo cáo phương án vay vốn đầu tư dự án “Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho Trạm cấp nước Kiều Ky”. 	HĐQT và số 07/NQ-HĐQT ngày 25/3/2019
3		Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 25/3/2019 và ban hành Danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019	Đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 26/4/2019
4		Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018	Đã ban hành Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 07/5/2019
5		Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh ngân hàng vay vốn đầu tư dự án “Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho Trạm cấp nước Kiều Ky”; thông qua phương án vay vốn đầu tư dự án “Cải tạo nâng cấp dây chuyền xử lý nước truyền thống Trạm cấp nước Đông Anh”.	Đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 25/NQ – HĐQT ngày 24/5/2019
6		Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án vay vốn đầu tư dự án “Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn phường Long Biên năm 2019”.	Đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 20/8/2019
7		Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án vay vốn đầu tư dự án “Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Nguyên Khê huyện Đông Anh”; dự án “Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Vân Nội huyện Đông Anh”.	Đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT và số 32/NQ-HĐQT ngày 28/8/2019
8	27/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phương án vay vốn đầu tư dự án “Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Xuân Nộn – huyện Đông Anh”. - Báo cáo phương án vay vốn đầu tư dự án “ Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Tiên Dương – 	Đã ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT, số 37/NQ-HĐQT, số 38/NQ-HĐQT ngày 27/11/2019 và số

	<p>huyện Đông Anh”.</p> <p>- Báo cáo phương án vay vốn đầu tư dự án “ Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực xã Tiên Dương – huyện Đông Anh”.</p> <p>- Báo cáo đánh giá việc thực hiện Hợp đồng mua, bán nước sạch qua đồng hồ tổng với Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống, phương hướng thực hiện năm 2020.</p> <p>- Báo cáo phương án cấp nước cho Khu đô thị Vincy.</p> <p>- Lấy ý kiến đánh giá Người đại diện vốn Nhà nước của Công ty Nước sạch Hà Nội, Người được Công ty Nước sạch Hà Nội cử tham gia Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội năm 2018.</p> <p>- Báo cáo thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán từ loại “Chuyển nhượng có điều kiện” sang loại “Chuyển nhượng tự do”.</p> <p>- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>HĐQT, số 37/NQ-HĐQT, số 38/NQ-HĐQT ngày 27/11/2019 và số 39/NQ-HĐQT ngày 04/12/2019</p>
9	<p>Lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc thông qua mức lương tối thiểu doanh nghiệp năm 2020</p>	<p>Đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 27/12/2019</p>

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 do Đại hội đồng cổ đông bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/05/2015, gồm có 03 thành viên: 1 trưởng ban chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ SH cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Trần Thị Ngọc Bích	Trưởng ban Kiểm soát	8.800	0.0155
2	Quách Mạnh Cường	Thành viên BKS	4.200	0.0074
3	Đặng Thu Hải	Thành viên BKS	0	0

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty nước sạch số 2 Hà Nội, năm 2019 Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty .

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quý, năm của Công ty.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và BCTC năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Trong năm 2019 đã thực hiện việc kiểm tra:

+ Thẩm định Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán từ kỳ 01/01/2018 đến 31/12/2018 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

+ Thẩm định báo cáo tài chính đã được soát xét của Kiểm toán kỳ 01/01/2019 đến 30/06/2019 để phục vụ cho việc công bố Báo cáo tài chính bán niên theo quy định.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

- Qua quá trình kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành quyết liệt, thảo luận và quyết nghị các vấn đề chính yếu của Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Ngày, tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
01	03/01/2019	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý IV/2018, sơ kết tình hình SXKD năm 2018 và dự kiến kế hoạch Quý I/2019 của Ban kiểm soát.

02	25/03/2019	3/3	Thông qua kết quả kiểm tra, thẩm định quyết toán BCTC năm 2018 của Công ty.
03	18/04/2019	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, triển khai kế hoạch Quý II/2019 của Ban kiểm soát.
04	02/07/2019	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý II, triển khai kế hoạch Quý III/2019 của BKS.
05	06/08/2019	3/3	Thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2019 đã được kiểm toán.
06	12/11/2019	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý III và triển khai hoạt động quý IV năm 2019.

d. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ để thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát đều được tiến hành đúng thủ tục, việc thảo luận, biểu quyết được thực hiện công khai, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty: Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tương đối tốt giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm 2019, các cuộc họp Hội đồng quản trị Trưởng ban kiểm soát cũng được cùng tham dự và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Việc công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị

T T	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng)	Ghi chú
1.	Đặng Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT	7.200.000	

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương bình quân được hưởng (đồng/người/tháng)	Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng)
1.	Trần Thị Ngọc Bích	Trưởng ban kiểm soát	33.339.539	
2.	Đặng Thu Hải	Thành viên ban kiểm soát		2.700.000
3.	Quách Mạnh Cường	Thành viên ban kiểm soát		2.700.000

Tiền lương, thù lao của Ban điều hành Công ty

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương bình quân được hưởng (đồng/người/tháng)	Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng)
1.	Tạ Kỳ Hưng	Giám đốc Công ty	37.019.153	5.400.000
2.	Dương Quốc Tuấn	Phó giám đốc Công ty	33.339.539	5.400.000
3.	Trần Thị Phương Thảo	Phó giám đốc Công ty	33.339.539	5.400.000
4.	Lê Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	31.499.731	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đúng các quy định, quy chế của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

2. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty nước sạch số 2 Hà Nội đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công

ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem đầy đủ chi tiết trên website: www.hawater.com.vn

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- UBCKNN (Đăng Web)
- Sở GD&ĐT (Đăng Web)
- HĐQT;
- BGĐ;
- PTCKT (Lưu hồ sơ).
- Lưu TCHC



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Tạ Kỳ Hưng", written over a horizontal line.

Tạ Kỳ Hưng